

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại Dầu khí

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-2.6%	-5.1%

DT thuần Q4/25
38.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.40 12.8%
YoY: ▼686 -94.7%

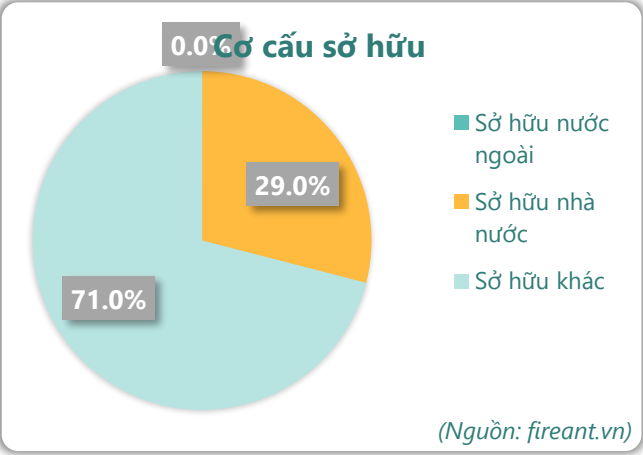
LN thuần Q4/25
1.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.75 237%
YoY: ▼2.37 -59.8%

LN sau thuế Q4/25
0.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00 172%
YoY: ▼2.69 -76.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-0.1%
YoY: +/- ▼ 0.6%

ROE 2025
-1.4%
YoY: +/- ▼ 1.5%

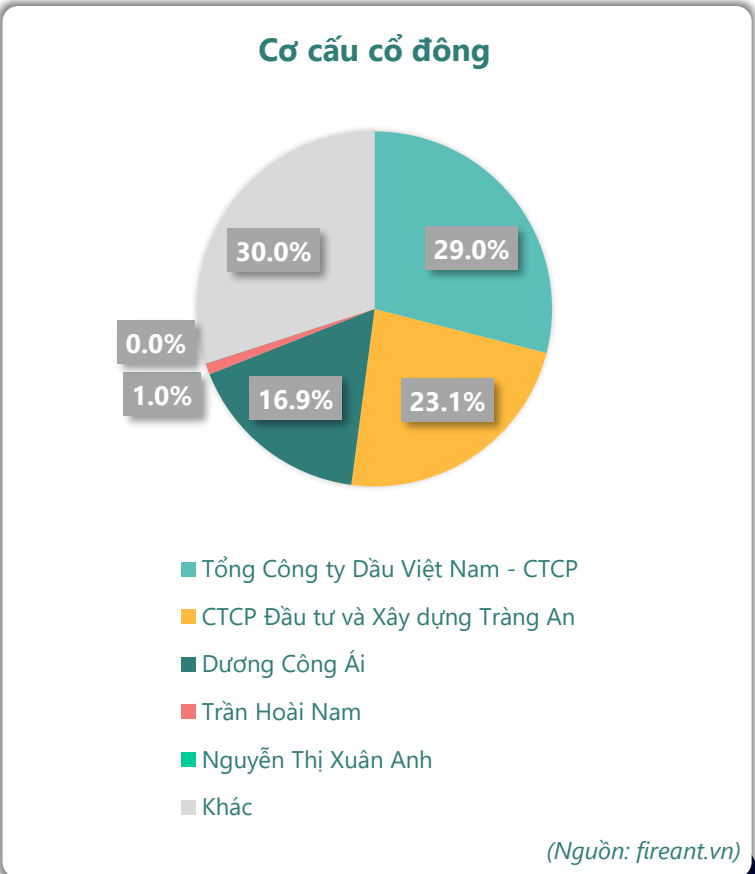
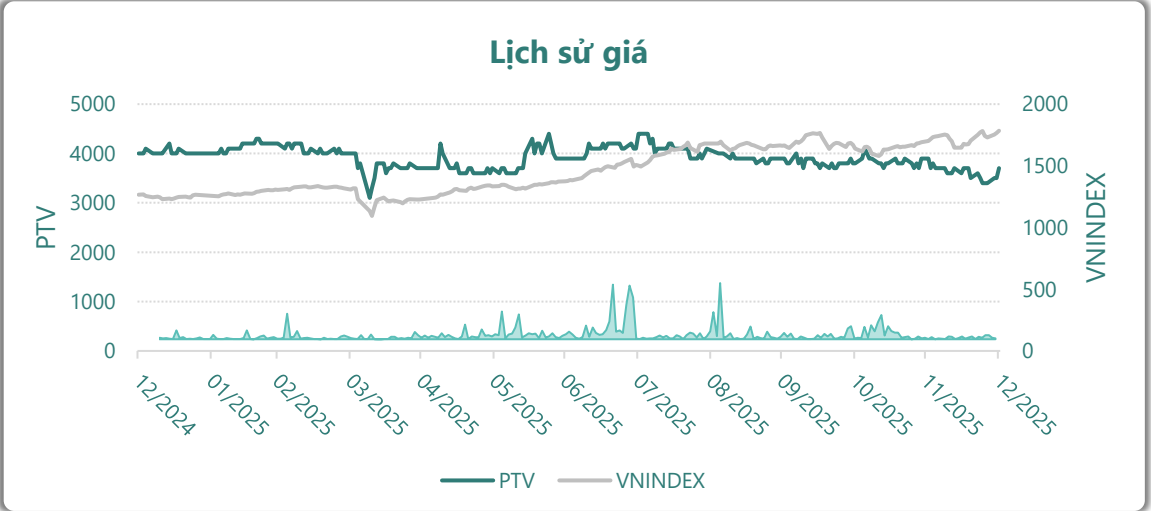
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,100 - 4,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	74
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,500
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.92
EPS	-153
P/E	-24.1



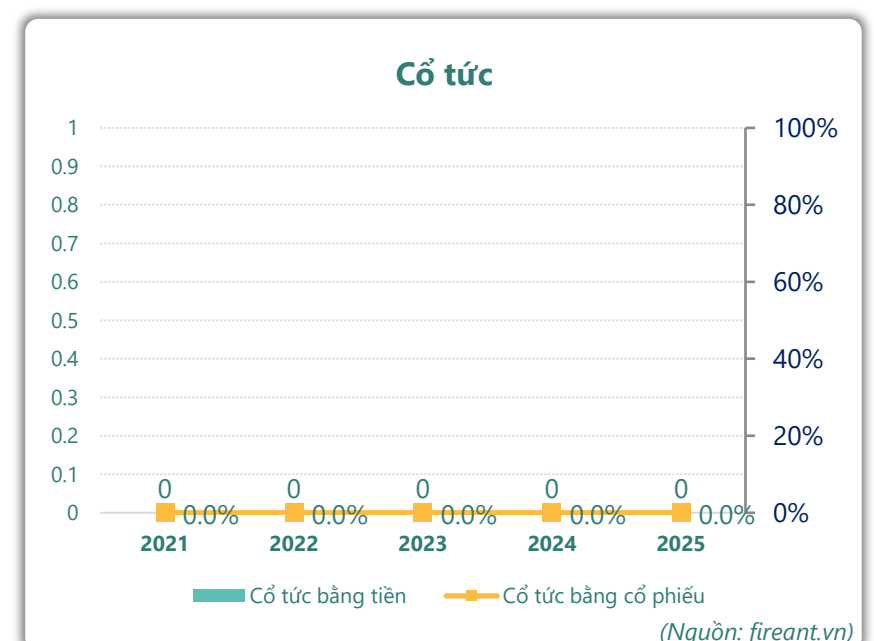
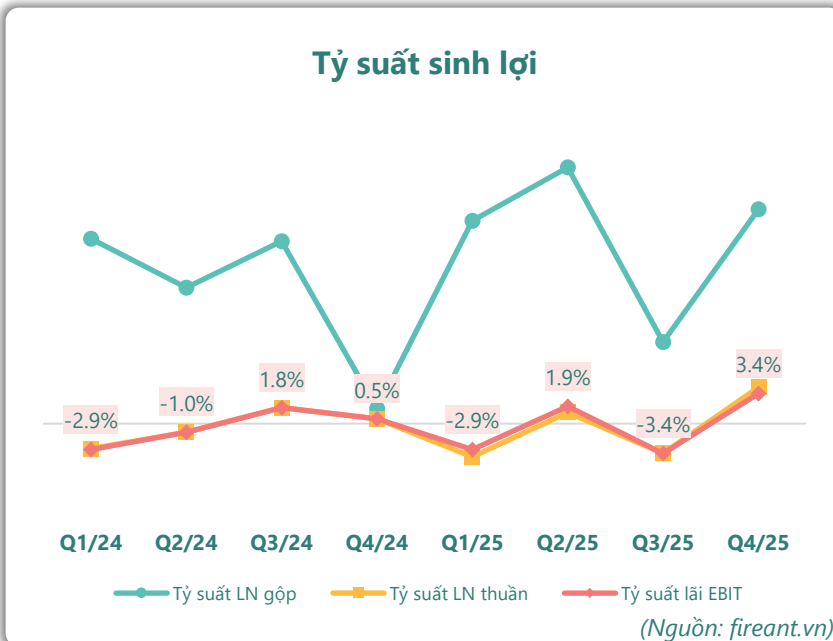
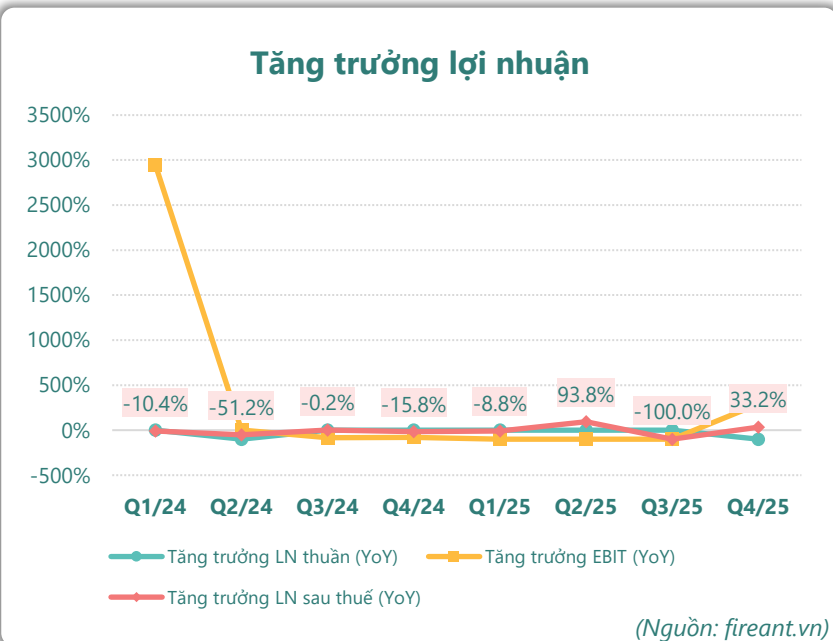
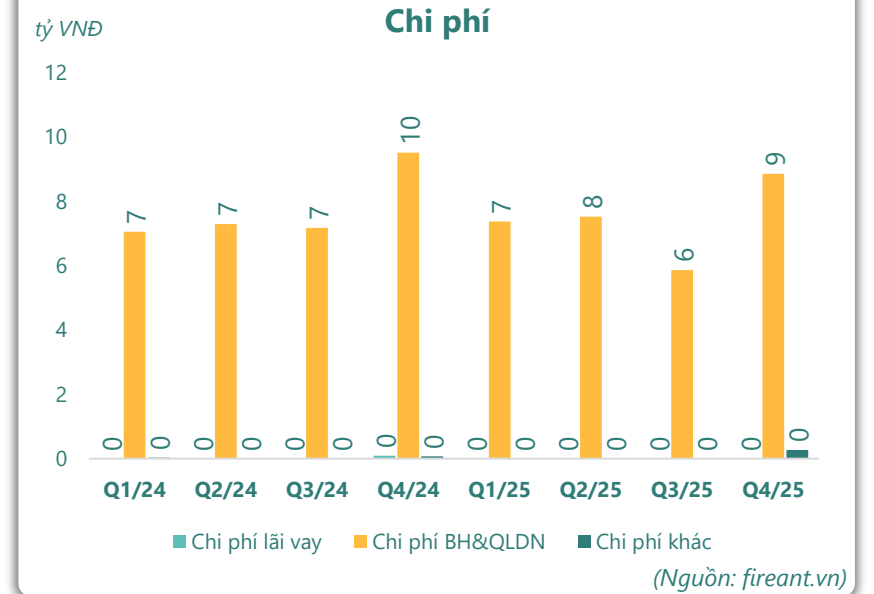
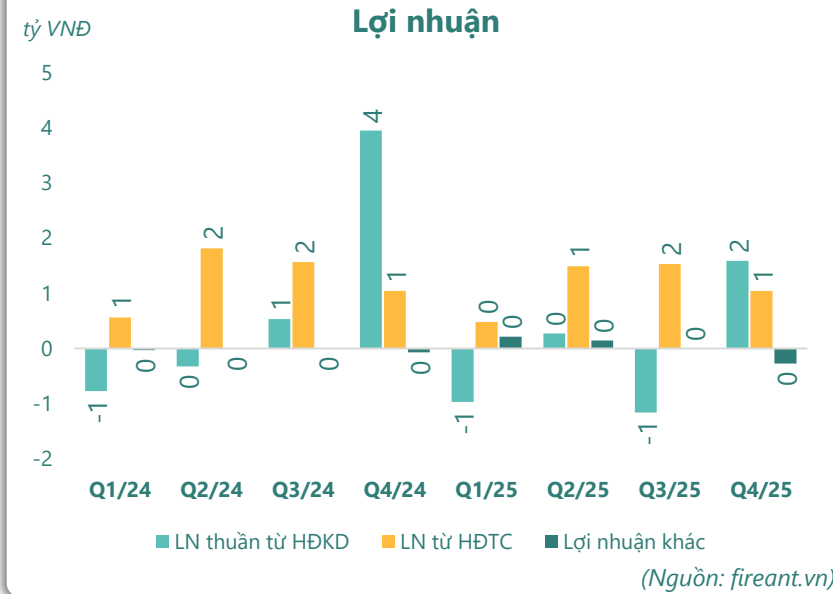
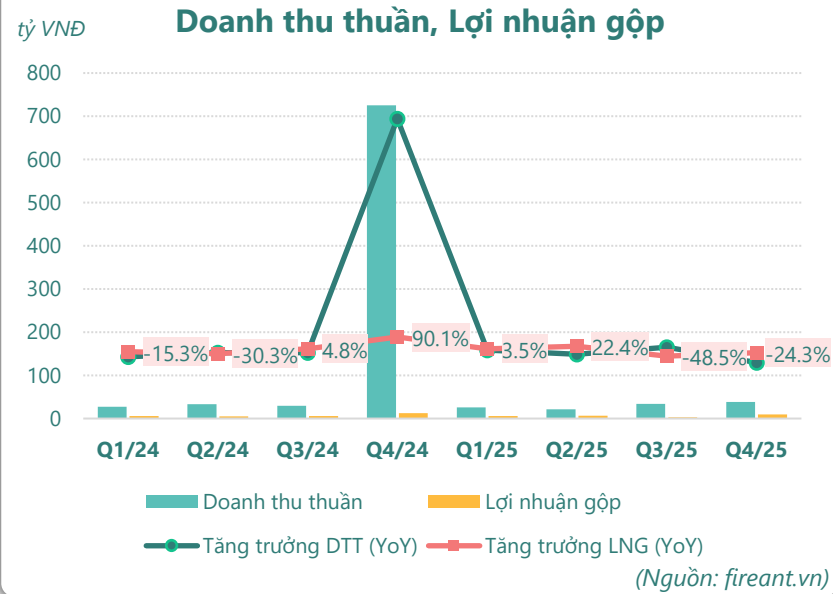
DT thuần 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▼696 -85.2%

LN thuần 2025
-0.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.67 -108%

LN sau thuế 2025
-1.19
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.42 -153%



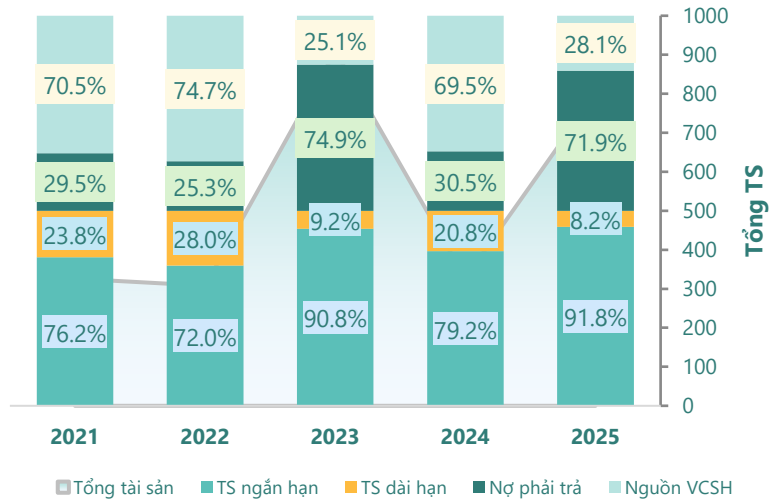
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

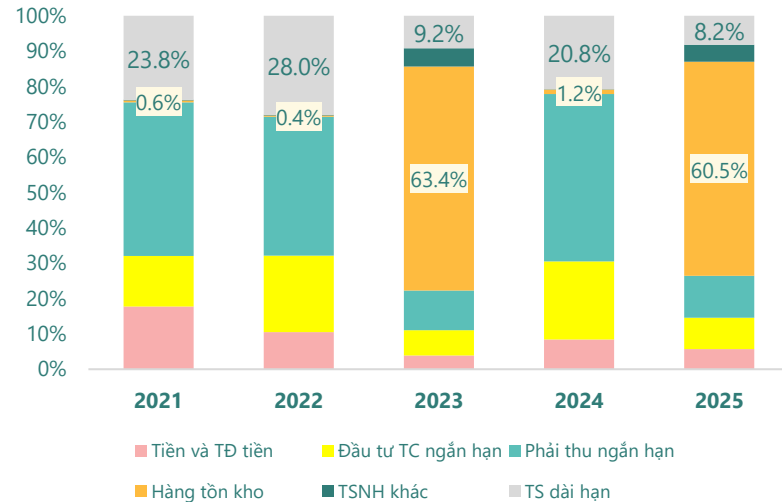
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

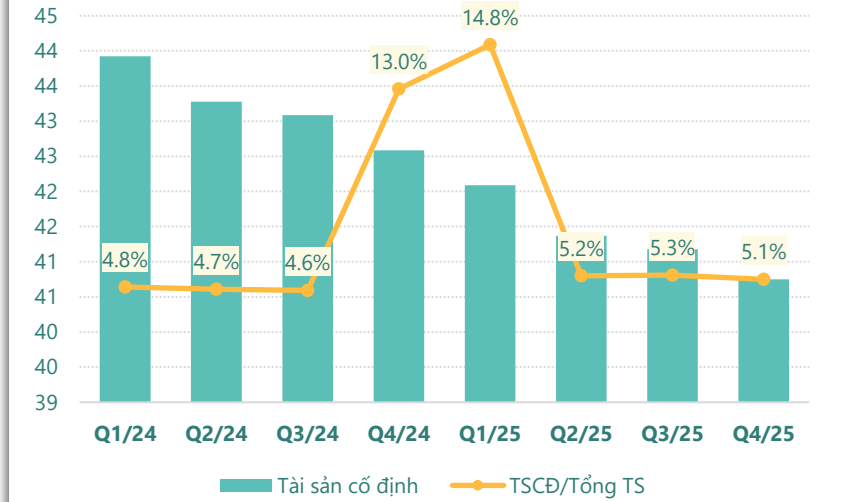
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

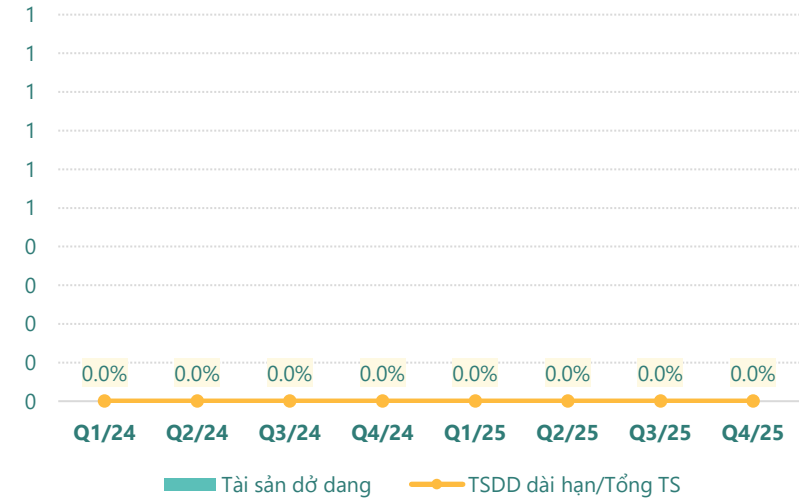
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

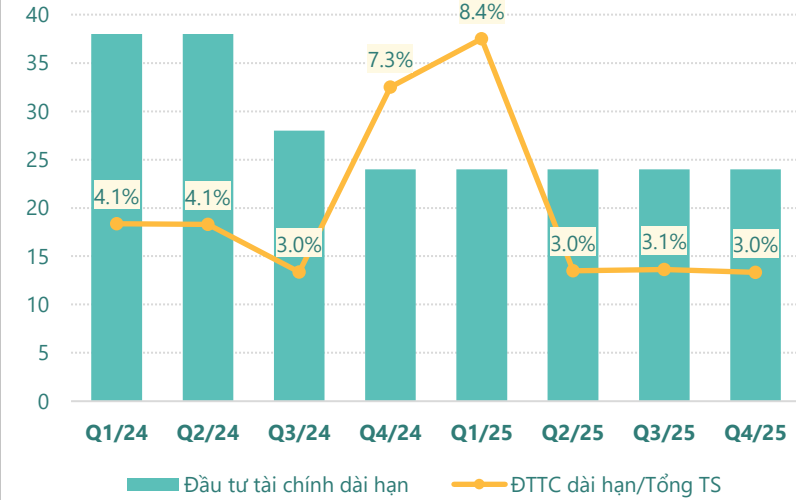
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

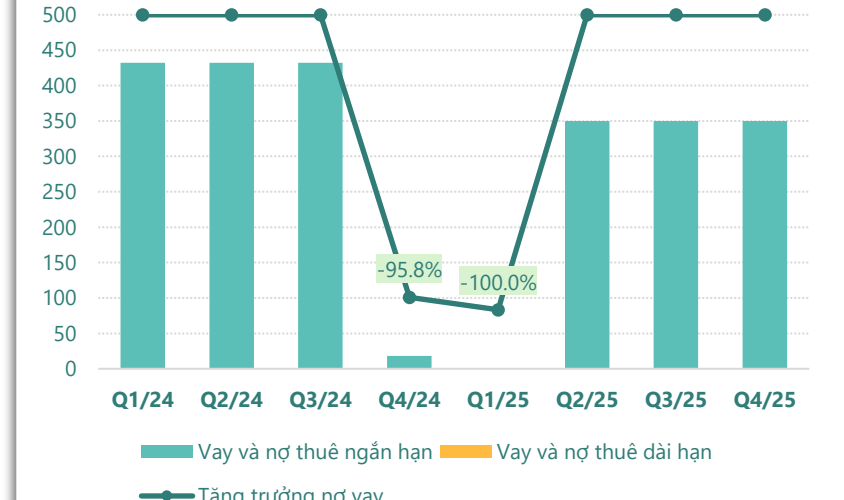
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

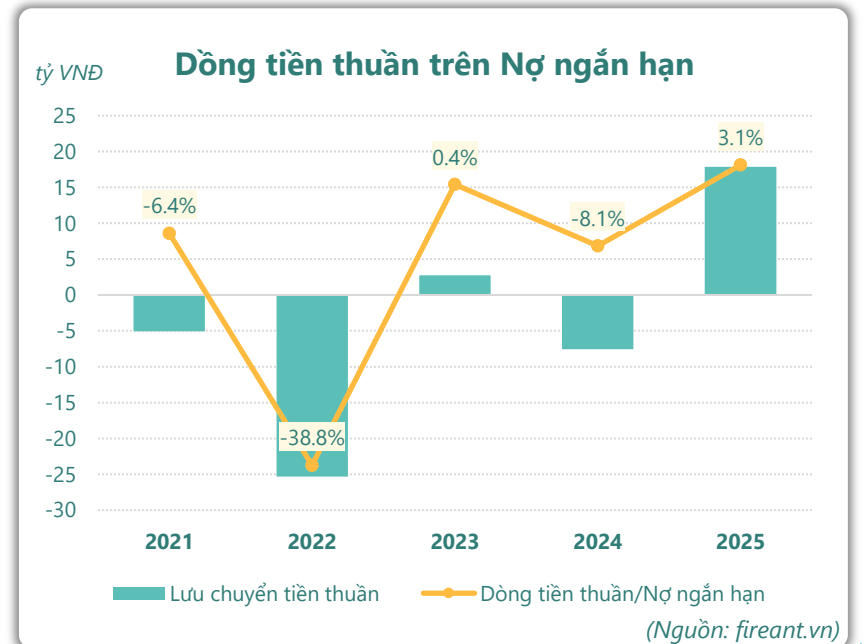
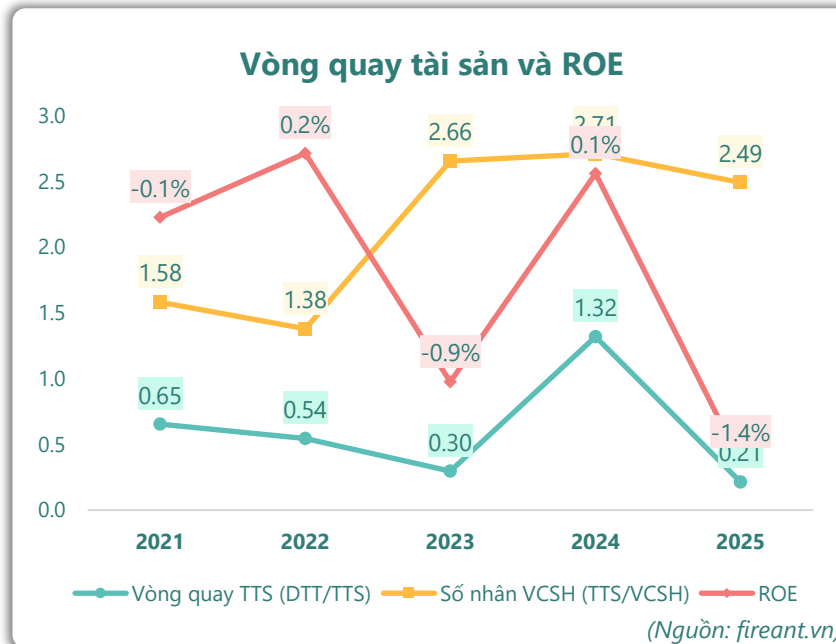
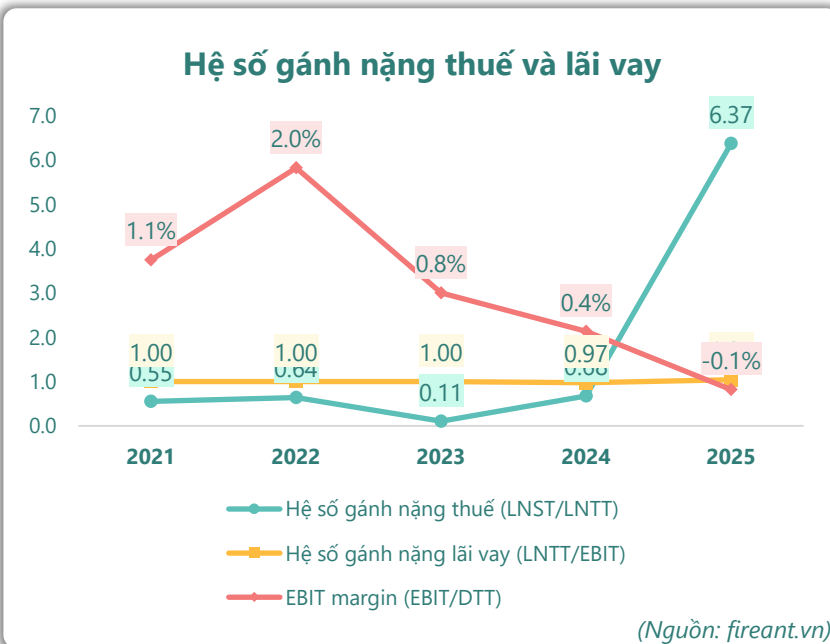
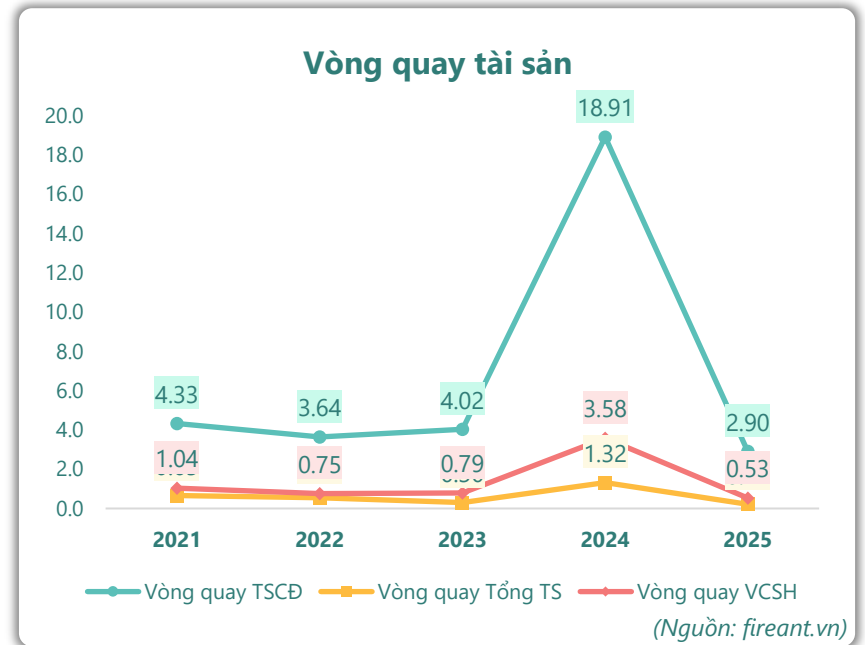
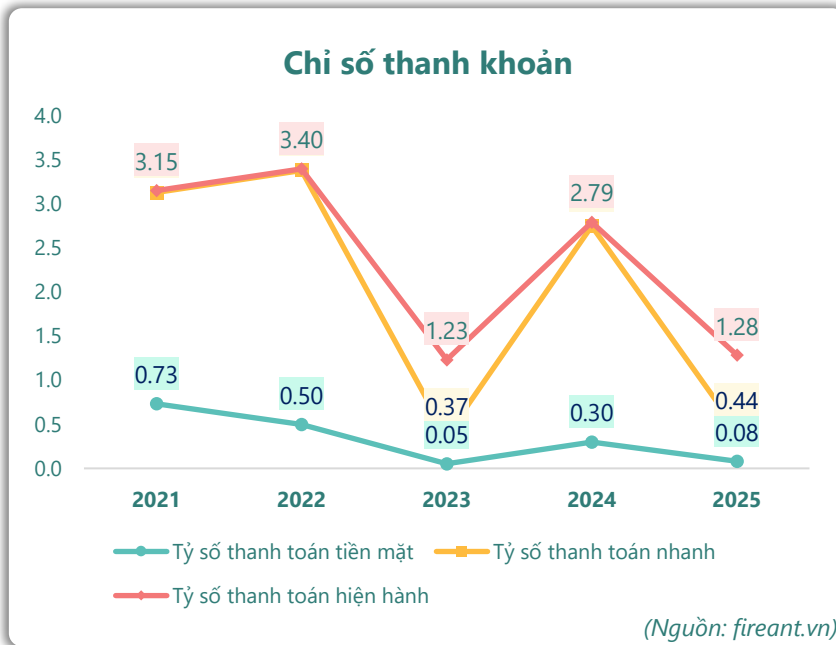
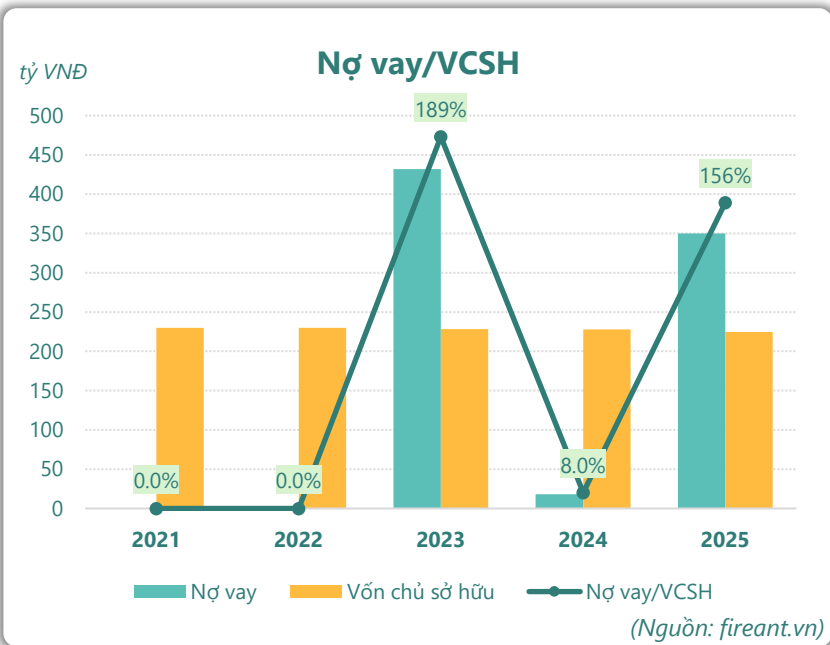
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	38.7	725	-94.7%	120	816	-85.2%
Giá vốn hàng bán	29.3	713	-95.9%	95.6	786	-87.8%
Lợi nhuận gộp	9.41	12.4	-24.1%	24.8	29.5	-15.8%
Doanh thu HĐTC	1.08	1.24	-12.6%	4.90	5.57	-12.0%
Chi phí TC	0.04	0.20	-80.5%	0.34	0.57	-39.9%
Chi phí lãi vay	0	0.09	-100%	0.01	0.09	-91.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.85	2.09	-59.4%	4.00	5.16	-22.6%
Chi phí QLDN	8.02	7.44	7.8%	25.6	25.9	-1.0%
LN thuần từ HĐKD	1.59	3.96	-59.8%	-0.27	3.40	-108%
Lợi nhuận khác	-0.27	-0.07	-290%	0.08	-0.11	179%
LN trước thuế	1.32	3.89	-66.1%	-0.19	3.30	-106%
Lợi nhuận sau thuế	0.84	3.53	-76.2%	-1.19	2.23	-153%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.13	2.94	-104%	-3.07	0.24	-1358%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.14	407	25.7	-339	-6.24	-5.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.99	0.61	5.69	-0.33	-4.58	10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.60	-414	-18.2	349	1.34	0
Tiền đầu kỳ	39.8	34.3	27.6	40.8	50.4	41.0
Lưu chuyển tiền thuần	-5.53	-6.64	13.2	9.63	-9.48	4.55
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	34.3	27.6	40.8	50.4	41.0	45.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	800	328	144%
Tài sản ngắn hạn	734	260	183%
Tiền và tương đương tiền	45.5	27.6	64.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.2	72.6	-1.9%
Phải thu ngắn hạn	95.1	155	-38.7%
Hàng tồn kho	484	3.90	12308%
Tài sản ngắn hạn khác	38.1	0.49	7614%
Tài sản dài hạn	65.8	68.1	-3.4%
Phải thu dài hạn	0.07	0.05	34.7%
Tài sản cố định	40.7	42.3	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.02	1.62	-37.2%
Lợi thế thương mại	0	0.18	-100%
Nợ phải trả	575	100	475%
Nợ ngắn hạn	572	93.1	515%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	350	18.2	1821%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	19.2	59.1%
Nợ dài hạn	3.24	6.95	-53.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	228	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	225	228	-1.4%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

